



**QUY CHẾ TỒ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA BAN KIỂM SOÁT**

Mã số: QC.BM.025

Hà Nội, tháng 4/2021

MỤC LỤC

Chương I	3
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh	3
Điều 2. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động	3
Điều 3. Tài liệu tham chiếu	4
Điều 4. Giải thích từ ngữ	4
Chương II	5
QUY ĐỊNH CỤ THỂ	5
Mục 1	5
CƠ CẤU, TỔ CHỨC, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA BAN KIỂM SOÁT	5
Điều 5. Thành phần, nhiệm kỳ và cơ cấu Ban Kiểm soát	5
Điều 6. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát	5
Điều 7. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trưởng Ban Kiểm soát	7
Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Trưởng Ban Kiểm soát	9
Điều 9. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Ban Kiểm soát	9
Mục 2	10
TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN BẦU, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT	10
Điều 10. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ	10
Điều 11. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ	11
Điều 12. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát	12
Điều 13. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát	13
Điều 14. Nhiệm vụ của Bộ phận giúp việc	14
Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm toán nội bộ	15
Điều 16. Công khai các lợi ích liên quan	18
Điều 17. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát	18
Mục 3 HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT	19
Điều 18. Phân công trách nhiệm của Ban Kiểm soát	19
Điều 19. Chế độ làm việc của Ban Kiểm soát	19
Điều 20. Chế độ báo cáo của Ban Kiểm soát	19
Điều 21. Cuộc họp của Ban Kiểm soát	20
Điều 22. Trình tự tổ chức và tiến hành họp Ban Kiểm soát	21
Điều 23. Thông qua quyết định của Ban Kiểm soát	23
Điều 24. Biên bản họp của Ban Kiểm soát	23
Mục 4 QUYỀN ĐƯỢC CUNG CẤP THÔNG TIN VÀ MỐI QUAN HỆ	23
Điều 25. Quyền được cung cấp thông tin	23
Điều 26. Bảo mật thông tin	24
Điều 27. Các mối quan hệ của Ban Kiểm soát	24
Điều 28. Khen thưởng và kỷ luật	26
Chương III	27
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	27
Điều 29. Trách nhiệm thực hiện	27
Điều 30. Điều khoản thi hành	27

QUY CHẾ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

BAN KIỂM SOÁT

- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Quốc Dân (NCB);
- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700169765, thay đổi lần thứ 17 ngày của NCB;
- Căn cứ Quyết nghị số 09 tại Nghị Quyết ĐHĐCĐ thường niên NCB số 101/NQ.ĐHĐCĐ ngày 26/04/2021.

QUY ĐỊNH

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh

- 1.1. Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Quốc Dân (sau đây gọi là Quy chế) quy định về tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ chế hoạt động của Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Quốc Dân.
- 1.2. Ban Kiểm soát do Đại hội đồng Cổ đông bầu, giám sát hoạt động của NCB, kiểm soát hoạt động tài chính, quản lý điều hành Bộ phận kiểm toán nội bộ, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị.
- 1.3. Quy định này được áp dụng trong toàn Hệ thống NCB, bao gồm Trụ sở chính, các Chi nhánh (gọi chung là Chi nhánh, trong đó có Phòng Giao dịch); các Khối Ngân hàng chuyên doanh và các Khối nghiệp vụ.

Điều 2. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

- 2.1. Ban Kiểm soát tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định của NCB.
- 2.2. Mọi diễn biến và những thông tin thu thập được trong quá trình giám sát của Ban Kiểm soát phải được xem xét, đánh giá trung thực, khách quan trên cơ sở các tài liệu đã được kiểm tra tại chỗ hoặc qua hệ thống thông tin báo cáo.
- 2.3. Tất cả các báo cáo, kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát gửi cho Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và các cơ quan Nhà nước phải được thảo luận tập thể trong Ban Kiểm soát và tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị.
- 2.4. Ban Kiểm soát làm việc theo chế độ tập thể kết hợp với chế độ trách nhiệm cá nhân về phạm vi công việc được phân công của từng thành viên Ban Kiểm soát. Thành viên Ban

Kiểm soát chịu trách nhiệm báo cáo về việc thực hiện các công việc được phân công phụ trách.

Điều 3. Tài liệu tham chiếu

3.1. Văn bản quy phạm pháp luật:

- a) Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017;
- b) Luật Doanh nghiệp năm 2020;
- c) Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật chứng khoán;
- d) Thông tư 13/2018/TT-NHNN ban hành ngày 18/5/2018 quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của NHTM, Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 40/2018/TT-NHNN ban hành ngày 28/12/2018
- e) Các văn bản pháp luật khác có liên quan.

3.2. Văn bản định chế của NCB:

- a) Quy chế bộ máy tổ chức hoạt động của Ngân hàng TMCP Quốc Dân, mã số QC.BM.028 ban hành ngày 18/6/2018;
- b) Các văn bản định chế khác có liên quan do NCB ban hành từng thời kỳ.

3.3. Trong Quy chế này, bất kỳ dẫn chiếu nào tới bất cứ quy định hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những quy định, văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chúng.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

4.1. Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây có nghĩa như sau:

- a) **NCB**: là Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc Dân.
- b) **Ban Kiểm soát**: là Ban Kiểm soát của NCB;
- c) **Hội đồng Quản trị (HDQT)**: là Hội đồng Quản trị của NCB;
- d) **Ban Điều hành**: là Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của NCB được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm;
- e) **Người quản lý**: là Người quản lý Ngân hàng, bao gồm Chủ tịch HDQT, thành viên HDQT, Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác do Điều lệ Ngân hàng quy định;
- f) **Luật các Tổ chức Tín dụng**: là Luật các Tổ chức Tín dụng số 47/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;
- g) **Điều lệ NCB**: là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc Dân;
- h) **NHNN**: là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

4.2. Các thuật ngữ khác được sử dụng trong Quy chế này có nghĩa như trong Điều lệ NCB.



CHƯƠNG II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

CƠ CẤU, TỔ CHỨC, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA BAN KIỂM SOÁT

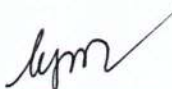
Điều 5. Thành phần, nhiệm kỳ và cơ cấu Ban Kiểm soát

- 5.1. Ban kiểm soát của Ngân hàng có từ 03 (ba) thành viên trở lên do Đại hội đồng cổ đông bầu, trong đó phải có hơn 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên thường trú tại Việt Nam và là thành viên chuyên trách, không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại Ngân hàng hoặc doanh nghiệp khác. Ban kiểm soát bầu một thành viên làm Trưởng Ban Kiểm soát.
- 5.2. Ban Kiểm soát có bộ phận giúp việc, bộ phận kiểm toán nội bộ, được sử dụng các nguồn lực của NCB, được thuê chuyên gia và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ của mình.
- 5.3. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá 05 (năm) năm; Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.
- 5.4. Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách là thành viên Ban Kiểm soát làm việc thường trực giữa các kỳ họp của Ban Kiểm soát và chịu trách nhiệm về một hoặc một số nhiệm vụ do Ban Kiểm soát phân công. Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách không được đồng thời đảm nhận chức vụ, làm việc tại tổ chức tín dụng khác. Ban Kiểm soát quy định cụ thể cơ chế làm việc và nhiệm vụ, trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách.
- 5.5. Trường hợp số thành viên Ban Kiểm soát không đủ 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ NCB thì trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, Ban Kiểm soát phải đề nghị Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội đồng Cổ đông để bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 6. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

- 6.1. Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng trong việc quản trị, điều hành Ngân hàng; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.



- 6.2. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua
- 6.3. Ban hành quy định nội bộ của Ban kiểm soát; định kỳ hằng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban kiểm soát, các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo.
- 6.4. Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ; có quyền sử dụng tư vấn độc lập và quyền được tiếp cận, cung cấp đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
- 6.5. Thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hằng năm của Ngân hàng; báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
- 6.6. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
- 6.7. Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật.
- 6.8. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của ngân hàng.
- 6.9. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
- 6.10. Các hợp đồng, giao dịch (không thuộc phạm vi đối tượng điều chỉnh cấm hoặc hạn chế tại Điều 126, 127, 128, 129 Luật các TCTD và văn bản dưới luật) giữa Ngân hàng với thành viên Ban Kiểm soát và người có liên quan của họ phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua.
- 6.11. Kịp thời thông báo cho Hội đồng quản trị khi phát hiện người quản lý Ngân hàng có hành vi vi phạm; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, nếu có.
- 6.12. Lập danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của Ngân hàng; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.
- 6.13. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Điều lệ của Ngân hàng.

- 6.14. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật các tổ chức tín dụng hoặc vượt quá thẩm quyền được giao và trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng.
- 6.15. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc Ban kiểm toán nội bộ.
- 6.16. Ban kiểm soát của NCB thực hiện giám sát đối với kiểm toán nội bộ bao gồm:
- Giám sát, đánh giá việc thực hiện chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của thành viên Ban kiểm soát, kiểm toán viên nội bộ;
 - Giám sát Ban kiểm toán nội bộ trong việc:
 - Thực hiện kiểm toán nội bộ;
 - Rà soát, đánh giá tính hiệu quả của kiểm toán nội bộ và kết quả thực hiện nhiệm vụ của Trưởng kiểm toán nội bộ;
 - Xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế của kiểm toán nội bộ theo yêu cầu, kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác;
 - Các nội dung khác do Ban kiểm soát quy định.

6.17. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát:

Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

- Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
- Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do ngân hàng phát hành.
- Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Ngân hàng lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của ngân hàng trong giờ làm việc.
- Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Ngân hàng theo yêu cầu của thành viên Ban Kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

6.18. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ của NCB.

Điều 7. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trưởng Ban Kiểm soát

- 7.1. Tổ chức triển khai việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 6 Quy chế này



- 7.2. Phê duyệt chương trình, kế hoạch và biện pháp thực hiện cụ thể nhiệm vụ của Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát, phù hợp với chương trình, kế hoạch đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận.
- 7.3. Quyết định thành lập các đoàn kiểm tra, giám sát, kiểm toán nội bộ theo quy định và theo chương trình, kế hoạch đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận.
- 7.4. Kiến nghị với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Giám đốc các đơn vị thành viên đình chỉ những việc làm trái pháp luật, Điều lệ, quy định của Ngân hàng TMCP Quốc Dân và các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị gây thất thoát hoặc có nguy cơ gây thất thoát vốn, tài sản của NCB.
- 7.5. Chuẩn bị chương trình cho các cuộc họp của Ban Kiểm soát trên cơ sở ý kiến đề xuất của thành viên Ban Kiểm soát liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban Kiểm soát.
- 7.6. Thay mặt Ban Kiểm soát yêu cầu Hội đồng Quản trị họp bất thường khi cần thiết để thực hiện nhiệm vụ của Ban Kiểm soát; thay mặt Ban Kiểm soát triệu tập Đại hội đồng Cổ đông bất thường khi Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của người quản lý quy định tại Luật doanh nghiệp hoặc vượt quá thẩm quyền được giao và các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ NCB và các quy định của pháp luật.
- 7.7. Kiến nghị với các cấp có thẩm quyền của NCB xử lý kỷ luật, bãi nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, chấm dứt hợp đồng lao động đối với các cá nhân vi phạm nghiêm trọng pháp luật và các quy định của NCB.
- 7.8. Trưởng Ban Kiểm soát ký Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua nếu tất cả các thành viên Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc từ chối ký Biên bản họp.
- 7.9. Thay mặt Ban Kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát;
- 7.10. Tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết;
- 7.11. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng Quản trị nếu ý kiến của mình khác với nghị quyết quyết định của Hội đồng Quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng Cổ đông;
- 7.12. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên của Ban Kiểm soát;
- 7.13. Bảo đảm các thành viên Ban Kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban Kiểm soát phải xem xét;
- 7.14. Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát;

- 7.15. Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt. Thành viên Ban Kiểm soát được ủy quyền không được ủy quyền lại cho thành viên khác;
- 7.16. Thực hiện công tác quy hoạch nhân sự, đề xuất, giới thiệu nhân sự cho các chức danh thành viên Ban Kiểm soát. Đánh giá kết quả công tác chuyên môn, ý thức chấp hành kỷ luật, rèn luyện phẩm chất đạo đức của các thành viên của Ban Kiểm soát; có ý kiến đề xuất, kiến nghị các hình thức khen thưởng, kỷ luật đối với các thành viên Ban Kiểm soát và phải chịu trách nhiệm về những ý kiến, đánh giá đó.
- 7.17. Đề xuất sửa đổi, bổ sung mô hình, cơ cấu tổ chức hoạt động của Ban Kiểm soát, phù hợp với từng thời kỳ trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét, quyết định.
- 7.18. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật, theo điều lệ của NCB và theo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát NCB.

Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Trưởng Ban Kiểm soát

- 8.1. Giúp Trưởng Ban Kiểm soát chỉ đạo, điều hành một hoặc một số lĩnh vực công việc của Ban Kiểm soát theo sự phân công của Trưởng Ban Kiểm soát. Chịu trách nhiệm trước Trưởng Ban Kiểm soát về phần công việc được phân công phụ trách
- 8.2. Chấp hành sự phân công công tác, chỉ đạo, điều hành của Trưởng Ban Kiểm soát:
- 8.3. Bàn bạc, tham gia ý kiến với Trưởng Ban Kiểm soát trong việc tổ chức thực hiện các hoạt động của Ban Kiểm soát theo quy định.
- 8.4. Thay mặt Trưởng Ban Kiểm soát điều hành, giải quyết công việc của Ban Kiểm soát khi Trưởng Ban Kiểm soát đi vắng (đi công tác, nghỉ phép). Chịu trách nhiệm và báo cáo lại Trưởng Ban Kiểm soát nội dung các công việc đã giải quyết khi Trưởng Ban Kiểm soát trở về.
- 8.5. Thực hiện Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Ban kiểm soát được quy định tại Điều 9 Quy chế này.

Điều 9. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Ban Kiểm soát

- 9.1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ NCB, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, quy định nội bộ của Ban Kiểm soát một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích của NCB và của Cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
- 9.2. Thực hiện kiểm tra, kiểm soát theo chương trình, kế hoạch được Đại hội đồng Cổ đông thông qua hoặc đã được Hội đồng Quản trị chấp thuận.
- 9.3. Bầu một thành viên Ban Kiểm soát làm Trưởng Ban Kiểm soát;
- 9.4. Yêu cầu Trưởng Ban Kiểm soát triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát bất thường;
- 9.5. Kiểm soát các hoạt động kinh doanh, kiểm soát sổ sách kế toán, tài sản, các báo cáo, bản quyết toán năm tài chính và kiến nghị khắc phục các sai phạm (nếu có);
- 9.6. Được tham dự các cuộc họp chuyên đề, các lớp đào tạo nghiệp vụ và hội nghị sơ kết,

- tổng kết của NCB. Có quyền truy cập thông tin, kể cả thông tin điện tử về các hoạt động của NCB để thực hiện nhiệm vụ, chức trách được giao.
- 9.7. Thành viên Ban kiểm soát có các quyền có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Ngân hàng. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Ngân hàng có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát.
 - 9.8. Báo cáo Trưởng Ban Kiểm soát về những hoạt động tài chính bất thường và chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá và kết luận của mình;
 - 9.9. Tham dự các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành khi được phân công, phát biểu ý kiến và có những kiến nghị, nhưng không tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với những quyết nghị của Hội đồng Quản trị được quyền đề nghị ghi ý kiến của mình vào biên bản phiên họp và được trực tiếp báo cáo trước Đại hội đồng Cổ đông;
 - 9.10. Tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm soát, tham gia thảo luận và biểu quyết về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó;
 - 9.11. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Cổ đông về việc xác định tính chính xác, trung thực của các số liệu, hồ sơ liên quan đến hoạt động của NCB. Trường hợp che giấu hoặc không kịp thời kiến nghị xử lý đối với những sai phạm sẽ phải chịu trách nhiệm liên đới khi thực hiện nhiệm vụ;
 - 9.12. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Ngân hàng.
 - 9.13. Trung thành với lợi ích của Ngân hàng và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Ngân hàng để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
 - 9.14. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật, theo quy định của Điều lệ NCB.
 - 9.15. Thực hiện các nhiệm vụ và phân công khác do Trưởng Ban Kiểm soát yêu cầu.

Mục 2

TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN BẦU, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 10. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ

Những người sau đây không được là thành viên Ban Kiểm soát của NCB:

- 10.1. Người chưa thành niên, người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- 10.2. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án;
- 10.3. Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;
- 10.4. Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xoá án tích;

- 10.5. Cán bộ, công chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm từ 50% (năm mươi phần trăm) vốn Điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại NCB;
- 10.6. Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sỹ quan, hạ sỹ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại NCB;
- 10.7. Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;
- 10.8. Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng Giám đốc (Giám đốc), thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Thành viên, thành viên Ban Kiểm soát của doanh nghiệp, Chủ nhiệm và các thành viên Ban quản trị hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng;
- 10.9. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tại thời điểm doanh nghiệp bị đình chỉ hoạt động, bị buộc giải thể do vi phạm pháp luật nghiêm trọng, trừ trường hợp là đại diện theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm chấn chỉnh, củng cố doanh nghiệp đó;
- 10.10. Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Thành viên, thành viên Hội đồng Thành viên, Trưởng Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của bất kỳ tổ chức tín dụng nào theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng đó bị thu hồi Giấy phép;
- 10.11. Người đã từng bị NCB xử lý kỷ luật bằng hình thức sa thải theo đúng quy định pháp luật.
- 10.12. Người có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc không được là thành viên Ban Kiểm soát của NCB;
- 10.13. Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với các hành vi vi phạm về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ, hoạt động ngân hàng.
- 10.14. Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ NCB.

Điều 11. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ

- 11.1. Trưởng Ban Kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát, người quản

lý của Tổ chức tín dụng khác.

11.2. Thành viên Ban Kiểm soát không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:

- a) Thành viên Hội đồng Quản trị, người điều hành, nhân viên của NCB hoặc Công ty con của NCB hoặc nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc của NCB là thành viên Hội đồng Quản trị, người điều hành hoặc là Cổ đông lớn của doanh nghiệp đó;
- b) Thành viên Hội đồng Quản trị, người điều hành của doanh nghiệp mà thành viên Ban Kiểm soát của doanh nghiệp đó đang là thành viên Hội đồng Quản trị, người điều hành tại NCB.

Điều 12. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát

Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

- 12.1. Có đủ năng lực hành vi dân sự.
- 12.2. Không thuộc đối tượng không được là thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 10 Quy chế này và quy định của pháp luật về quản trị ngân hàng;
- 12.3. Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, đạo đức nghề nghiệp, trung thực và hiểu biết pháp luật.
- 12.4. Có bằng Đại học trở lên về một trong các chuyên ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 03 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán;
- 12.5. Trưởng ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, có ít nhất 03 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán;
- 12.6. Không phải là người có quan hệ gia đình với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác, với người đại diện phần vốn của Ngân hàng. Không phải là người quản lý Ngân hàng. Không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Ngân hàng trừ trường hợp Điều lệ ngân hàng có quy định khác.
- 12.7. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm (đối với thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách);
- 12.8. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Ngân hàng trừ tiêu chuẩn khác cao hơn quy định tại Điều lệ NCB.
- 12.9. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện trên thành viên Ban Kiểm soát không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý của Ngân hàng; người đại diện phần vốn của Ngân hàng.

Điều 13. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

13.1. Các trường hợp sau đây đương nhiên mất tư cách thành viên Ban Kiểm soát:

- a) Mất năng lực hành vi dân sự, chết;
- b) Vi phạm quy định tại Điều 46 của Điều lệ NCB về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ;
- c) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông hoặc thành viên góp vốn của tổ chức tín dụng khi tổ chức đó bị chấm dứt tư cách pháp nhân;
- d) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- e) Khi NCB bị thu hồi Giấy phép;
- f) Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức.
- g) Không thực hiện quyền, nghĩa vụ một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm vì lợi ích hợp pháp tối đa của Ngân hàng, cổ đông.
- h) Không trung thành với lợi ích của Ngân hàng thông qua việc thực hiện một/nhiều hành vi (bao gồm nhưng không giới hạn) như: sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Ngân hàng, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Ngân hàng để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác làm tổn hại tới lợi ích của Ngân hàng, cổ đông.
- i) Có hành vi gây khó khăn, cản trở hoặc bất kỳ hành vi khác có tính chất tương tự làm ảnh hưởng đến sự hoạt động thông suốt và/tiến độ của công tác quản trị, điều hành của Ngân hàng (bao gồm nhưng không giới hạn các hành vi như cố tình không tham gia cuộc họp Hội đồng Quản trị dù được triệu tập hợp lệ/từ chối ký Biên bản họp mà không có lý do chính đáng/không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ công việc do Hội đồng Quản trị phân công, giao nhiệm vụ/gây chia rẽ, mất đoàn kết nội bộ...) và/hoặc có hành vi/phát sinh các sự kiện gây mất, làm ảnh hưởng đến uy tín, hình ảnh thương hiệu của Ngân hàng.
- j) Không thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Ngân hàng về quyền lợi của mình tại tổ chức khác, giao dịch với tổ chức, cá nhân khác có thể gây xung đột với lợi ích của Ngân hàng;
- k) Có hành vi cạnh tranh bất hợp pháp với Ngân hàng hoặc tạo điều kiện cho bên thứ ba gây tổn hại lợi ích của Ngân hàng.

13.2. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày xác định được các đối tượng trên đương nhiên mất tư cách theo quy định tại Khoản 13.1 Điều này, Hội đồng Quản trị của NCB phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh cụ thể về việc các đối tượng đương nhiên mất tư cách gửi Ngân hàng Nhà nước và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; thực hiện các thủ tục bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy định của pháp luật.

13.3. Sau khi bị xác định đương nhiên mất tư cách, Trưởng Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân về các quyết định trái với quy định của pháp luật và Điều lệ NCB hoặc các quyết định cố ý làm sai của mình trong thời gian

đương nhiệm.

- 13.4. Chức danh được Thống đốc NHNN chuẩn y, chấp thuận trước đây của những người bị đương nhiên mất tư cách quy định tại Điều này đương nhiên hết hiệu lực.
- 13.5. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát.
- 13.6. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:
- Bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự; khó khăn trong nhận thức hoặc làm chủ hành vi.
 - Có đơn xin từ chức gửi Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát của NCB;
 - Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm kiểm soát viên trong trường hợp không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 12 của Quy chế này;
 - Khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền bầu, bổ nhiệm xét thấy cần thiết;
 - Bị cơ quan quản lý nhà nước xác định là vi phạm nghiêm trọng các quy định tại Điều 55, 57, 58 Điều lệ của NCB;
 - Khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định là vi phạm các quy định của Điều lệ của NCB và/hoặc các quy định của pháp luật trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao gây thiệt hại cho NCB.
 - Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.
- 13.7. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Trưởng Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát, vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân về các quyết định trái với quy định của pháp luật và Điều lệ của NCB hoặc các quyết định cố ý làm sai của mình trong thời gian đương nhiệm.
- 13.8. Chức danh đã được Thống đốc NHNN chuẩn y đương nhiên hết hiệu lực khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định tại Điều này và các quy định của pháp luật có liên quan.
- 13.9. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các đối tượng theo quy định tại Khoản 13.1 Điều này, Hội đồng Quản trị của NCB có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo NHNN; đồng thời thực hiện các thủ tục để bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Nhiệm vụ của Bộ phận giúp việc

14.1. Ban Kiểm soát có các bộ phận giúp việc sau:

- Ban Kiểm toán nội bộ;
- Ban cố vấn và các cộng tác viên

14.2. Bộ phận giúp việc hỗ trợ các cuộc họp Ban Kiểm soát, hỗ trợ các thành viên Ban Kiểm

soát thực hiện nhiệm vụ của mình.

14.3. Chức năng, nhiệm vụ cụ thể của Bộ phận giúp việc do Ban Kiểm soát quy định.

Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm toán nội bộ

Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Ban Kiểm soát, cơ cấu tổ chức do Ban Kiểm soát quyết định. Ban KTNB có nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm cụ thể như sau:

15.1. Nhiệm vụ

- a) Thực hiện kiểm toán nội bộ đối với các Đơn vị được kiểm toán theo kế hoạch đã được phê duyệt;
- b) Xây dựng, rà soát đề trình Ban kiểm soát ban hành, sửa đổi, bổ sung:
 - Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của thành viên Ban kiểm soát, kiểm toán viên nội bộ;
 - Quy định nội bộ của Ban kiểm soát;
 - Kế hoạch kiểm toán nội bộ;
 - Quy trình KTNB và các chính sách
- c) Lập kế hoạch KTNB hằng năm hoặc đột xuất và thực hiện hoạt động KTNB theo kế hoạch hoặc kiểm toán đột xuất theo yêu cầu của BKS; thực hiện các chính sách, quy trình và thủ tục KTNB đã được phê duyệt, đảm bảo chất lượng và hiệu quả.
- d) Theo dõi, đánh giá việc thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các cá nhân, bộ phận;
- e) Thực hiện các kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác đối với kiểm toán nội bộ
- f) Lập báo cáo về kiểm toán nội bộ và gửi báo cáo kịp thời theo quy định
- g) Kiểm tra, rà soát, đánh giá độc lập, khách quan các chính sách, thủ tục, quy trình hoặc các vấn đề trong hoạt động đối với tất cả các đơn vị, bộ phận, hoạt động trong hệ thống NCB dựa trên mức độ rủi ro (cao, trung bình hoặc thấp) và mức độ ảnh hưởng đến hoạt động của NCB. Đối với tất cả những vấn đề có thể ảnh hưởng xấu đến hoạt động của NCB, KTNB phải thông báo kịp thời về bản chất và ảnh hưởng đối với hoạt động của NCB và đưa ra những khuyến nghị nhằm ngăn ngừa, khắc phục những vấn đề này. Xem xét, đánh giá sự đầy đủ và hiệu lực của hệ thống KSNB trong các quy chế, quy trình nghiệp vụ và kiến nghị để nâng cao hiệu quả của hệ thống KSNB trong các quy chế, quy trình này.
- h) Đánh giá sự chính xác và tin cậy của các thông tin tài chính trong các báo cáo trình lên cấp trên.
- i) Triển khai thực hiện nhiệm vụ của các Phòng KTNB tại các đơn vị theo Quy định này và kế hoạch KTNB hằng năm hoặc đột xuất do BKS chỉ đạo.

- j) Thường xuyên giám sát, đánh giá rủi ro và hiệu quả trong hoạt động của các đơn vị trong toàn hệ thống NCB: Phát hiện cảnh báo các rủi ro, hoạt động kém hiệu quả để đề xuất các biện pháp giải quyết khó khăn, vướng mắc, yếu kém. Phát hiện các tồn tại, sai phạm đề nghị các cấp Lãnh đạo chỉ đạo xử lý, chấn chỉnh kịp thời, nhằm phòng ngừa và hạn chế rủi ro góp phần đảm bảo hoạt động của các đơn vị và toàn hệ thống an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.
- k) Kiến nghị các biện pháp sửa chữa, khắc phục sai sót; kiến nghị xử lý những vi phạm; đề xuất biện pháp nhằm hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hệ thống KSNB.
- l) Tham gia xử lý các vụ việc, các vấn đề có liên quan đến khuyến nghị của KTNB, Thanh tra NHNN đối với công tác của các Đơn vị trong hệ thống NCB (khi có yêu cầu).
- m) Đánh giá mức độ phù hợp của các hoạt động nhằm ngăn ngừa, khắc phục những điểm yếu đã được báo cáo, nhằm hoàn thiện hệ thống KSNB và theo dõi cho đến khi các vấn đề này được xử lý thỏa đáng.
- n) Phát triển, chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện phương pháp KTNB và phạm vi hoạt động của KTNB để có thể cập nhật, theo kịp sự phát triển của hoạt động Ngân hàng.
- o) Thực hiện quy trình đánh giá đảm bảo chất lượng công tác KTNB.
- p) Thiết lập hồ sơ về trình độ năng lực và các yêu cầu cần thiết đối với cán bộ, Kiểm toán viên, nhân viên KTNB để làm cơ sở tuyển dụng, đề bạt, luân chuyển cán bộ và bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ; lập kế hoạch tuyển dụng và bố trí đầy đủ nhân sự để đảm bảo công việc giám sát từ xa được liên tục; tổ chức đào tạo liên tục nhằm nâng cao và đảm bảo năng lực chuyên môn cho cán bộ, Kiểm toán viên, nhân viên KTNB.
- q) Duy trì việc tham vấn, trao đổi thường xuyên với tổ chức kiểm toán độc lập, NHNN (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, NHNN chi nhánh) nhằm đảm bảo hợp tác có hiệu quả; là đơn vị điều phối, phối hợp với các cơ quan bên ngoài đối với những công việc liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của KTNB.
- r) Tư vấn cho HĐQT, Ban điều hành và các Đơn vị, bộ phận nghiệp vụ trong hệ thống NCB thực hiện các dự án xây dựng, áp dụng mới hay sửa đổi, bổ sung những quy trình nghiệp vụ quan trọng; cơ chế quản trị, điều hành; quy trình nhận dạng, đo lường, đánh giá rủi ro, quản lý rủi ro, phương pháp đánh giá vốn; hệ thống thông tin, hạch toán, kế toán; thực hiện nghiệp vụ, sản phẩm mới với điều kiện không ảnh hưởng tới tính độc lập của KTNB.
- s) Thực hiện các nhiệm vụ khác do BKS giao.

15.2. **Quyền hạn:**

- a) Được trang bị đầy đủ các nguồn lực cần thiết (nhân lực, tài chính, phòng làm việc, tài sản và các công cụ khác).
- b) Được chủ động thực hiện các nhiệm vụ theo kế hoạch KTNB đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- c) Được cung cấp đầy đủ, kịp thời tất cả các thông tin, tài liệu, hồ sơ cần thiết cho công tác KTNB, bao gồm cả các văn bản, biên bản họp của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc.
- d) Được tiếp cận, xem xét tất cả các quy trình nghiệp vụ, hồ sơ, thông tin, tài liệu, phương tiện, tài sản khi thực hiện KTNB.
- e) Được yêu cầu các đơn vị, bộ phận cung cấp chính sách, quy chế, quy trình, các chỉ đạo nghiệp vụ, các báo cáo: Báo cáo tài chính; các báo cáo hoạt động nghiệp vụ, báo cáo đánh giá rủi ro, các báo cáo kết quả tự rà soát đánh giá hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm soát của đơn vị/ bộ phận mình.
- f) Được quyền truy cập vào hệ thống công nghệ thông tin để truy cập thông tin, trích xuất dữ liệu phục vụ cho công tác KTNB. Được đề nghị công nghệ thông tin xây dựng các báo cáo, phần mềm phục vụ cho công tác KTNB.
- g) Được tiếp cận, phỏng vấn, làm việc với tất cả cán bộ, nhân viên, khách hàng, người có liên quan trong hệ thống NCB về các vấn đề liên quan đến nội dung KTNB.
- h) Được quyền đề nghị trung tập cán bộ thuộc các bộ phận khác của NCB tham gia kiểm toán mà không ảnh hưởng đến nguyên tắc độc lập, khách quan của công tác KTNB.
- i) Được nhận tài liệu, văn bản, biên bản họp của HĐQT, BKS, Ban điều hành, Người quản lý, Người điều hành có liên quan đến công việc của KTNB.
- j) Được tham dự các cuộc họp nội bộ theo Điều lệ và quy định nội bộ của NCB và quy định của Pháp luật.
- k) Được giám sát, đánh giá và theo dõi các hoạt động sửa chữa, khắc phục, hoàn thiện của các Đơn vị, bộ phận trong hệ thống NCB đối với các vấn đề mà KTNB đã ghi nhận và có khuyến nghị.
- l) Được bảo vệ, được kiến nghị cấp có thẩm quyền theo quy định nội bộ của NCB đối với hành vi bất hợp tác của cá nhân, Đơn vị được kiểm toán trong quá trình thực hiện kiểm toán nội bộ.
- m) Cán bộ KTNB được đào tạo thường xuyên về nghiệp vụ để có đủ trình độ, năng lực chuyên môn thực hiện nhiệm vụ được giao.
- n) Đề xuất thuê chuyên gia, tổ chức bên ngoài thực hiện kiểm toán nội bộ: Trong trường hợp cần thiết do thiếu nguồn lực hoặc để củng cố chất lượng động của Bộ phận KTNB hoặc theo yêu cầu của cấp quản lý, của Đơn vị có liên quan, Ban

KTNB được đề xuất thuê chuyên gia, tổ chức bên ngoài trên cơ sở trình Ban Kiểm soát và cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- o) Có các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của NCB.

15.3. Trách nhiệm:

- a) Trách nhiệm của Ban KTNB, KTV nội bộ NCB tối thiểu bao gồm các nội dung sau đây:
- Bảo mật tài liệu, thông tin theo đúng quy định pháp luật hiện hành, quy định của Điều lệ NCB, Quy chế này và các quy định nội bộ của NCB.
 - Trưởng KTNB/Phó trưởng KTNB chịu trách nhiệm trước BKS về kết quả hoạt động của Ban KTNB, về nhiệm vụ được giao, về những đánh giá, kết luận, kiến nghị, đề xuất trong các báo cáo KTNB.
 - Kiểm toán viên nội bộ chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Trưởng KTNB về nhiệm vụ kiểm toán được giao.
- b) Theo dõi kết quả thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, KTNB của các Đơn vị, bộ phận thuộc NCB.

Điều 16. Công khai các lợi ích liên quan

Thành viên Ban Kiểm soát phải kê khai các lợi ích liên quan theo điều 39 Luật các Tổ chức Tín dụng, điều 164 Luật Doanh nghiệp, theo Điều lệ của NCB và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 17. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát

- 17.1 Thành viên ban Kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại Hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát.
- 17.2 Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;
- 17.3 Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của NCB theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Ngân hàng.

Mục 3

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 18. Phân công trách nhiệm của Ban Kiểm soát

- 18.1. Ban Kiểm soát làm việc theo chế độ tập thể kết hợp với chế độ trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát phải lập chương trình hoạt động kiểm soát hàng năm của Ban Kiểm soát trình Đại hội Cổ đông thông qua.
- 18.2. Trưởng Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình hoạt động của Ban Kiểm soát; phân công và kiểm tra thực hiện chương trình hoạt động của Ban Kiểm soát; tổng hợp kết quả hoạt động của kiểm soát từng thời kỳ để thông báo cho Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và báo cáo trước Đại hội đồng Cổ đông.
- 18.3. Các thành viên Ban Kiểm soát chịu sự quản lý, điều hành trực tiếp và sự phân công, chỉ đạo của Trưởng Ban Kiểm soát; chủ động kiểm tra giám sát và có trách nhiệm báo cáo với Trưởng ban tiến độ và kết quả kiểm soát và chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Cổ đông về việc xác định tính chính xác, trung thực của số liệu, hồ sơ liên quan các lĩnh vực hoạt động ngân hàng được phân công.

Điều 19. Chế độ làm việc của Ban Kiểm soát

- 19.1. Ban Kiểm soát làm việc độc lập, theo chế độ cá nhân phụ trách đối với mảng công việc được phân công của từng thành viên trong Ban Kiểm soát.
- 19.2. Thành viên Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm một hoặc một số lĩnh vực công việc theo sự phân công của Trưởng Ban. Chịu trách nhiệm trước Trưởng Ban và trước pháp luật về quyết định và hành vi của mình.
- 19.3. Các thành viên có ý kiến đối với báo cáo quyết toán tài chính hàng năm, báo cáo thẩm định tài chính 06 (sáu) tháng đầu năm, báo cáo của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng Cổ đông và các vấn đề khác theo yêu cầu của Trưởng Ban Kiểm soát.
- 19.4. Căn cứ vào các thông tin nhận được, vào độ tin cậy, tính khẩn trương, tính chất nghiêm trọng, khả năng và mức độ tác hại có thể gây nên cho NCB, Ban Kiểm soát thực hiện phương thức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất cho phù hợp:
 - a) Ban Kiểm soát trực tiếp kiểm tra định kỳ theo kế hoạch những sự việc khẩn trương và nghiêm trọng do Trưởng Ban Kiểm soát trực tiếp chủ trì kiểm tra.
 - b) Phối hợp với Ban kiểm toán nội bộ để tổ chức kiểm tra.
 - c) Yêu cầu Ban kiểm toán nội bộ báo cáo kết quả kiểm tra cho Ban Kiểm soát định kỳ hoặc đột xuất.

Điều 20. Chế độ báo cáo của Ban Kiểm soát

- 20.1. Từng thành viên Ban Kiểm soát phải báo cáo với với Trưởng ban về tiến độ, kết quả thực hiện chương trình kiểm soát, các vụ việc đột xuất được Trưởng ban giao. Báo cáo

thành viên Ban Kiểm soát phải nêu rõ những vấn đề đã được kiểm tra xác định cùng với nhận xét, đánh giá và kiến nghị của mình; những thông tin ghi nhận từ các nguồn thông tin về vi phạm pháp luật, Điều lệ ngân hàng và có ý kiến đề xuất với trường Ban Kiểm soát hướng xử lý.

- 20.2. Trường Ban Kiểm soát phải lập báo cáo tình hình và kết quả kiểm soát cùng với những ý kiến về đề xuất, kiến nghị của Ban Kiểm soát gửi cho Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và trước Đại hội đồng Cổ đông; thay mặt các thành viên Ban Kiểm soát báo cáo tại các cuộc họp và phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, khách quan trong nội dung báo cáo.
- 20.3. Nội dung báo cáo, kết luận và các kiến nghị của Ban Kiểm soát trước khi trình Đại hội đồng Cổ đông phải được bàn bạc tập thể trong cuộc họp Ban Kiểm soát và tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị.
- 20.4. Thành viên Ban Kiểm soát có thể trực tiếp báo cáo với Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng Cổ đông những vấn đề phát hiện qua việc tiến hành kiểm soát nhưng chưa nêu trong báo cáo của Ban Kiểm soát hoặc các ý kiến bảo lưu của thành viên Ban Kiểm soát mà bản thân thành viên Ban Kiểm soát thấy là cần thiết và phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về nội dung báo cáo của mình.

Điều 21. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

- 21.1. Cuộc họp Ban Kiểm soát đầu tiên của nhiệm kỳ Ban Kiểm soát để bầu Trường Ban và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tổ chức trong vòng 07 (bảy) ngày sau ngày bầu cử Ban Kiểm soát đó. Thành viên Ban Kiểm soát có số phiếu bầu cao nhất sẽ phải triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát đầu tiên, dự kiến chương trình, thời gian và địa điểm họp trước ngày họp dự kiến ít nhất 03 (ba) ngày. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Ban Kiểm soát.
- 21.2. Ban Kiểm soát họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất. Cuộc họp Ban Kiểm soát do Trường ban hoặc người tạm thời giữ chức Trường ban triệu tập và làm chủ tọa.
- 21.3. Cuộc họp bất thường của Ban Kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của một trong các đối tượng sau đây:
 - a) Trường Ban Kiểm soát;
 - b) Ít nhất 02 (hai) thành viên Ban Kiểm soát trở lên;
 - c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- 21.4. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban Kiểm soát bất thường của một trong các đối tượng nêu tại khoản 21.3 Điều này, Trường Ban Kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban Kiểm soát bất thường. Trường hợp, sau hai lần đề nghị kế tiếp mà Trường Ban Kiểm soát không triệu tập cuộc họp Ban

Kiểm soát, Hội đồng Quản trị và các thành viên Ban Kiểm soát phải có ngay văn bản báo cáo Chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố nơi NCB đặt trụ sở chính và tiến hành họp Ban Kiểm soát để xử lý công việc, đồng thời quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Trưởng ban, bầu một thành viên Ban Kiểm soát đảm bảo các điều kiện giữ chức danh Trưởng Ban, thông báo Ngân hàng Nhà nước theo đúng quy định hiện hành, hoặc quyết định tổ chức Đại hội đồng Cổ đông bất thường để xử lý những tồn tại, vướng mắc chưa thể giải quyết (nếu có).

- 21.5. Quyết định của Ban Kiểm soát được coi là có giá trị khi đa số thành viên có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận (ít nhất 51% số thành viên Ban kiểm soát có quyền biểu quyết tán thành); trường hợp ý kiến ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban Kiểm soát hoặc người được Trưởng Ban Kiểm soát uỷ quyền chủ tọa cuộc họp.
- Thành viên Ban Kiểm soát không thể dự họp thì có thể uỷ quyền bằng văn bản cho 01 thành viên Ban Kiểm soát khác thực hiện biểu quyết thay.
 - Thành viên Ban Kiểm soát có quyền lợi liên quan đến vấn đề đưa ra Ban Kiểm soát quyết định thì không được tham gia biểu quyết vấn đề đó và không được tính vào số lượng thành viên có mặt, đồng thời cũng không được nhận uỷ quyền của các thành viên khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.
 - Trường hợp lấy ý kiến biểu quyết bằng văn bản để thông qua quyết định của Ban Kiểm soát về một vấn đề cũng phải đảm bảo điều kiện về số lượng thành viên biểu quyết và nguyên tắc đa số theo quy định như biểu quyết tại cuộc họp.
- 21.6. Nội dung cuộc họp Ban Kiểm soát phải được ghi biên bản một cách đầy đủ, trung thực, chính xác (kể cả các ý kiến bảo lưu của Ban Kiểm soát, nếu có) và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Ban Kiểm soát dự họp.
- 21.7. Địa điểm họp: Các cuộc họp Ban Kiểm soát sẽ được tiến hành tại Trụ sở chính của NCB hoặc địa điểm của Ban Kiểm soát nếu Ban Kiểm soát được đặt ngoài trụ sở chính của NCB hoặc một địa điểm khác theo yêu cầu công việc cần thiết.

Điều 22. Trình tự tổ chức và tiến hành họp Ban Kiểm soát

- 22.1. Tất cả các cuộc họp định kỳ hoặc bất thường đều phải có nội dung chuẩn bị trước. Trưởng Ban Kiểm soát căn cứ mục đích cuộc họp để phân công cho các thành viên Ban Kiểm soát, bộ phận giúp việc cho Ban Kiểm soát chuẩn bị nội dung tài liệu cho cuộc họp.
- 22.2. Thông báo mời họp Ban Kiểm soát (trừ trường hợp bất thường) phải được gửi cho các thành viên Ban Kiểm soát tối thiểu 05 (năm) ngày trước ngày họp. Thông báo về cuộc họp Ban Kiểm soát được làm bằng văn bản tiếng Việt, trong đó nêu rõ về: Chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát và cả các phiếu biểu quyết

cho những thành viên Ban Kiểm soát. Trong trường hợp không thể dự họp, thành viên Ban Kiểm soát có quyền gửi phiếu biểu quyết bằng văn bản cho Ban Kiểm soát trước khi họp.

- 22.3. Cuộc họp Ban Kiểm soát được tiến hành khi có từ 2/3 (hai phần ba) thành viên Ban Kiểm soát trở lên trực tiếp tham dự hoặc qua người thay thế là một trong các thành viên Ban Kiểm soát được ủy quyền.
- 22.4. Trường hợp triệu tập họp Ban Kiểm soát định kỳ lần đầu nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập tiếp cuộc họp Ban Kiểm soát lần hai trong thời gian không quá 15 (mười lăm) ngày tiếp theo. Sau hai lần triệu tập họp Ban Kiểm soát không đủ số thành viên tham dự, Trưởng Ban Kiểm soát phải thông báo cho Hội đồng Quản trị biết và đề nghị triệu tập Đại hội đồng Cổ đông bất thường trong thời hạn không quá 30 (ba mươi) ngày tiếp theo để Cổ đông xem xét tư cách của các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 23. Thông qua quyết định của Ban Kiểm soát

- 23.1. Mỗi thành viên tham dự cuộc họp Ban Kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát. Nếu thành viên Ban Kiểm soát không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên Ban Kiểm soát khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay.
- 23.2. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban Kiểm soát quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên Ban Kiểm soát khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.
- 23.3. Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên Ban Kiểm soát hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên Ban Kiểm soát và những nghi ngờ đó không được thành viên Ban Kiểm soát đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới chủ tọa của cuộc họp. Phán quyết của Chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên Ban Kiểm soát có liên quan đó chưa được biết rõ.
- 23.4. Quyết định của Ban Kiểm soát được thông qua nếu được đa số thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban Kiểm soát hoặc thành viên Ban Kiểm soát được Trưởng Ban Kiểm soát ủy quyền Chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trưởng Ban Kiểm soát vắng mặt).
- 23.5. Trường hợp Ban Kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên Ban Kiểm soát tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên Ban Kiểm soát có

quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến và số lượng thành viên Ban Kiểm soát có mặt tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Ban Kiểm soát.

23.6. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của NCB;
- b) Mục đích lấy ý kiến;
- c) Họ, tên và địa chỉ liên lạc của thành viên Ban Kiểm soát;
- d) Vấn đề cần lấy ý kiến;
- e) Phương án biểu quyết, bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- f) Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về NCB;
- g) Họ và tên, chữ ký của Trưởng Ban Kiểm soát.

Điều 24. Biên bản họp của Ban Kiểm soát

24.1. Cuộc họp Ban Kiểm soát phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập bằng tiếng Việt và phải được tất cả các thành viên Ban Kiểm soát tham dự cuộc họp ký tên và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản. Thư ký cuộc họp chịu trách nhiệm ghi chép và lập biên bản cuộc họp Ban Kiểm soát và ký tên vào Biên bản.

24.2. Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi Biên bản cuộc họp Ban Kiểm soát cho các thành viên Ban Kiểm soát và Biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của Biên bản đó trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày gửi biên bản.

24.3. Sổ biên bản và biên bản cuộc họp Ban Kiểm soát phải được lưu giữ và bảo quản tại văn phòng Ban Kiểm soát.

Mục 4

QUYỀN ĐƯỢC CUNG CẤP THÔNG TIN VÀ MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 25. Quyền được cung cấp thông tin

25.1. Ban Kiểm soát nhận được các thông tin, tài liệu sau đây vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng Quản trị:

- a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị và các tài liệu kèm theo.
- b) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng Quản trị hoặc tài liệu khác do NCB phát hành.

25.2. Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời tất cả các thông tin và tài liệu về công

tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của NCB theo yêu cầu của Ban Kiểm soát và phải bảo đảm rằng tất cả bản sao chụp các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên Hội đồng Quản trị cũng như các biên bản họp Hội đồng Quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban Kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho thành viên Hội đồng Quản trị.

- 25.3. Nếu một thành viên Ban Kiểm soát nhận được thông tin hoặc tài liệu liên quan đến nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo cách thức phù hợp với nhiệm vụ kiểm soát (từ nguồn khác Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát), thành viên này phải báo cáo với Trưởng Ban Kiểm soát ngay khi có thể và Trưởng Ban Kiểm soát sẽ thông báo cho thành viên Ban Kiểm soát có liên quan.
- 25.4. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của NCB lưu trữ tại trụ sở chính, chi nhánh, sở giao dịch và các địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên NCB làm việc.

Điều 26. Bảo mật thông tin

- 26.1. Các thành viên Ban Kiểm soát xử lý mọi thông tin và tài liệu có được trong phạm vi thẩm quyền là thành viên Ban Kiểm soát với sự cẩn trọng cần thiết và bảo mật trong trường hợp thông tin được xếp loại mật theo quy định của NCB và Pháp luật.
- 26.2. Các thành viên Ban Kiểm soát không được tiết lộ ra bên ngoài, công bố hoặc bằng cách khác cung cấp cho bên thứ ba các thông tin mật, các văn bản tài liệu NCB và các thông tin khác liên quan đến hoạt động của NCB, hoặc các thông tin mà NCB chưa công bố ra bên ngoài.
- 26.3. Việc bảo mật thông tin vẫn được thực hiện sau khi thành viên Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ.
- 26.4. Các thành viên Ban Kiểm soát có trách nhiệm tuân thủ bảo mật thông tin theo Điều lệ NCB, Quy chế này và quy định có liên quan của pháp luật.

Điều 27. Các mối quan hệ của Ban Kiểm soát

- 27.1. Quan hệ với các cơ quan quản lý Nhà nước: Ban Kiểm soát thực hiện chế độ báo cáo cho các cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định hiện hành.
- 27.2. Quan hệ với các Cổ đông:
- Ban Kiểm soát thực hiện báo cáo Cổ đông kết quả giám sát hoạt động của NCB tại kỳ họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên theo quy định tại Điều lệ NCB.
 - Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra đột xuất khi nhận được yêu cầu từ Cổ đông lớn hoặc nhóm Cổ đông lớn theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và gửi báo cáo theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ NCB.
- 27.3. Quan hệ với Hội đồng Quản trị:
- Hội đồng Quản trị bảo đảm chế độ cung cấp thông tin cho Ban Kiểm soát theo Quy

chế này, Điều lệ NCB, quy định quản trị nội bộ của NCB và các quy định khác có liên quan.

- b) Hội đồng Quản trị bảo đảm Trưởng Ban Kiểm soát được tham dự các cuộc họp định kỳ hay bất thường của Hội đồng Quản trị.
- c) Ban Kiểm soát thực hiện giám sát, kiểm toán nội bộ và thực hiện báo cáo kết quả giám sát, kiểm toán nội bộ theo quy định. Khi nhận được kết quả giám sát, kiểm toán và những đề xuất, kiến nghị của Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị sẽ xem xét để đưa ra kết luận. Ban Kiểm soát theo dõi việc thực hiện các kết luận của Hội đồng Quản trị.
- d) Ban Kiểm soát thực hiện thẩm định các báo cáo Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên theo quy định tại Điều lệ NCB. Hội đồng Quản trị đảm bảo Ban Kiểm soát có đủ thông tin và thời gian cần thiết để thực hiện thẩm định các báo cáo này.
- e) Ban Kiểm soát tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị về các vấn đề được nêu trong báo cáo của Ban Kiểm soát trước khi gửi Đại hội đồng Cổ đông.

27.4. Quan hệ với Ban Điều hành và Người quản lý NCB:

- a) Ban Điều hành đảm bảo chế độ cung cấp thông tin cho Ban Kiểm soát theo Quy chế này, Điều lệ NCB, quy định quản trị nội bộ của NCB và các quy định khác có liên quan.
- b) Trường hợp xét thấy cần thiết, Ban Điều hành và Người quản lý NCB mời Trưởng Ban Kiểm soát hoặc thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp Ban Điều hành hoặc các cuộc họp khác.
- c) Ban Điều hành và Người quản lý NCB thực hiện báo cáo định kỳ theo quy định tại Điều lệ NCB, Quy chế này, quy định quản trị nội bộ và các quy định khác có liên quan. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, Ban Điều hành và Người quản lý NCB thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo có liên quan đến hoạt động của NCB theo yêu cầu của Trưởng Ban Kiểm soát.
- d) Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của NCB, Ban Điều hành và Người quản lý NCB cần báo cáo ngay cho Trưởng Ban Kiểm soát.
- e) Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra, giám sát và kiểm toán nội bộ và thực hiện báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát, kiểm toán nội bộ theo quy định. Ban Điều hành thông báo cho Ban Kiểm soát những chỉ đạo, ý kiến của mình đối với những vấn đề Ban Kiểm soát đã có báo cáo, kiến nghị để Ban Kiểm soát theo dõi.

27.5. Quan hệ với Ban kiểm toán nội bộ

- a) Ban Kiểm soát có trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo, điều hành, giám sát hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ.

- b) Rà soát, kiểm tra, đánh giá để đảm bảo tính hiệu quả của công tác kiểm toán nội bộ; chịu trách nhiệm chính về việc đảm bảo chất lượng hoạt động kiểm toán nội bộ.
- c) Đảm bảo công tác kiểm toán nội bộ có vị trí thích hợp trong NCB và không có các trở ngại bất hợp lý đối với hoạt động kiểm toán nội bộ.
- d) Xây dựng, sửa đổi, bổ sung và thường xuyên hoàn thiện phương pháp, chính sách kiểm toán nội bộ trình Hội đồng Quản trị quyết định.
- e) Phê duyệt quy trình kiểm toán nội bộ; phê duyệt, điều chỉnh kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm theo đề nghị của Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ, đảm bảo kế hoạch kiểm toán nội bộ được định hướng theo rủi ro.
- f) Đảm bảo phối hợp có hiệu quả với kiểm toán độc lập và Thanh tra Ngân hàng Nhà nước.
- g) Thực hiện báo cáo trực tiếp lên mọi cơ quan, mọi cấp trong NCB và ngoài tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật và quy định của NCB; Thực hiện gửi các báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước theo quy định.

27.6. Quan hệ với các đơn vị trong hệ thống NCB:

- a) Các đơn vị trong hệ thống đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu phục vụ công tác kiểm tra, giám sát, kiểm toán nội bộ theo yêu cầu của Ban Kiểm soát.
- b) Lãnh đạo các đơn vị được kiểm tra, kiểm toán chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, trung thực, hợp pháp của các thông tin, tài liệu cung cấp cho Ban Kiểm soát và các đoàn kiểm tra, kiểm toán của Ban Kiểm soát; thực hiện các kiến nghị của Ban Kiểm soát đối với những vấn đề nêu trong báo cáo của Ban Kiểm soát theo chỉ đạo của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành; thực hiện cung cấp thông tin phản hồi cho Ban Kiểm soát về việc thực hiện các kiến nghị của Ban Kiểm soát theo quy định.
- c) Các đơn vị (các Khối/Phòng Ban/Trung tâm tại Hội sở chính, các Trung tâm kinh doanh của NCB) thực hiện cơ chế phối hợp hoạt động với Ban Kiểm soát theo quy định nội bộ của NCB.

Điều 28. Khen thưởng và kỷ luật

28.1. Khen thưởng:

Thành viên Ban Kiểm soát được khen thưởng và kỷ luật theo quy định về khen thưởng và kỷ luật của NCB.

28.2. Kỷ luật:

- a) Ban Kiểm soát, các thành viên Ban Kiểm soát nếu có sai phạm, khuyết điểm không làm tròn nhiệm vụ, cố ý lợi dụng chức vụ, quyền hạn, có hành động vụ lợi cá nhân cố ý bao che hay đồng lõa xâm phạm lợi ích hợp pháp của NCB, của Cổ đông và của khách hàng, tiết lộ tài liệu gây thiệt hại cho NCB và khách hàng thì tùy theo

mức độ phải xử lý, kỷ luật hành chính hay truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và của NCB;

- b) Người mua chuộc hoặc trả thù, người gây cản trở thực thi nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát thì tùy theo mức độ sẽ bị xử lý kỷ luật hành chính hay truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và của NCB.

CHƯƠNG III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29. Trách nhiệm thực hiện

Các Thành viên HĐQT, các Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Giám đốc các Trung tâm kinh doanh; Giám đốc các Khối nghiệp vụ; Giám đốc các Chi nhánh và các đơn vị có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

Điều 30. Điều khoản thi hành

- 30.1 Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày *đt/ 4/ 2021* và thay thế Quy chế Tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát, mã số QC.BM.025 ngày 03/05/2019.
- 30.2 Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Ban Kiểm soát đề xuất trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- 30.3 Những vấn đề chưa được đề cập đến trong Quy chế này, sẽ được thực hiện theo các quy định có liên quan của Pháp luật và quy định khác của NCB. Khi có những nội dung nào trong Quy chế này trái với quy định của Pháp luật, thì đương nhiên hết hiệu lực.

Nơi nhận:

- HĐQT;
- TGD, các PTGD;
- Các NHCD, Khối;
- Ban KTNB, Ban PC;
- Các CN;
- Các Phòng, Ban, TT TSC;
- Lưu: VT, Ban Kiểm soát.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



TRẦN THỊ HÀ GIANG